

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/DS-ST  
Ngày 02-4-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30A/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 - Chủ Hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Bị đơn:** 1. Ông **Lê Hoàng G**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

2. Bà Lâm Thị Ú, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 của nguyên đơn ông Trần Đại H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh T có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản mang nhãn hiệu Việt H1 và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú thông qua hợp đồng mua bán bằng văn bản ngày 21/02/2023, hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2023.

Theo đó các bên thống nhất thỏa thuận ông H sẽ cung cấp các mặt hàng có bán tại cửa hàng cho vợ chồng ông G, bà Ú theo đơn đặt hàng. Đơn giá được thông báo trực tiếp với vợ chồng ông G, bà Ú trên từng mặt hàng theo đơn hàng của vợ chồng ông G, bà Ú và được xác nhận theo từng thời điểm và được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng T, vợ chồng ông G, bà Ú đến nhận hàng hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng. Sau khi nhận hàng thì kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận sau khi lên tôm thì phải thanh toán dứt điểm tiền nợ. Trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp lên tôm không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ thì ông H có quyền yêu cầu thanh toán một phần để giảm tiền nợ nhưng không thực hiện thì ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu vợ chồng ông G, bà Ú thanh toán dứt điểm tiền nợ.

Trong quá trình giao dịch ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, cung cấp đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu, sau khi nhận hàng vợ chồng ông G, bà Ú không phản ánh về số lượng, chất lượng, giá bán, chủng loại nhưng khi thu hoạch tôm thì vợ chồng ông G, bà Ú không thực nghĩa vụ thanh toán dứt điểm tiền nợ. Ông H đã nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông G, bà Ú không có thiện ý thanh toán. Hai bên tiến hành đối chiếu lại công nợ ngày 30/7/2023 thì số tiền ông G, bà Ú còn nợ ông H 302.599.000 đồng.

Nay, ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú liên đới thanh toán cho ông H số tiền là 302.599.000 đồng.

Đối với bị đơn vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vợ chồng ông G, bà Ú không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng

nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Trong năm 2023, ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M1 có thỏa thuận và cung cấp thức ăn, thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú. Khi kết toán lại, vợ chồng ông G, bà Ú còn nợ ông H số tiền 302.599.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành tổng đạt Thông báo cho bị đơn vợ chồng ông G, bà Ú và vợ chồng ông G, bà Ú đã nhận được Thông báo của Tòa án và không có ý kiến về việc ông H khởi kiện yêu cầu ông G, bà Ú thanh toán nợ. Tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nêu trên nhưng bị đơn vợ chồng ông G, bà Ú đều vắng mặt. Việc bị đơn vợ chồng ông G, bà Ú nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác nêu trên (trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) của Tòa án mà không có ý kiến và đều vắng mặt, nên được xem như bị đơn vợ chồng ông G, bà Ú đã thống nhất với số nợ mà phía nguyên đơn đặt ra. Mặt khác, tại bảng đối chiếu công nợ ngày 30/7/2023, bị đơn ông G đã ký và ghi họ tên xác nhận là ông còn nợ đối với ông H số tiền là 302.599.000 đồng.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 30/7/2023, vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú còn nợ ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 302.599.000 đồng. Ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông G, bà Ú thanh toán nợ nhưng đến nay ông G, bà Ú vẫn chưa thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M1 yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 302.599.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng ông G, bà Ú liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú phải liên đới trả lãi

cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn vợ chồng ông G, bà Ú phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H – chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M1, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú phải liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 302.599.000 đồng cho ông Trần Đại H.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú phải liên đới thanh toán số tiền 302.599.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu, năm trăm chín mươi chín ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H – chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M1.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H – chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M1 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng ông Lê Hoàng G, bà Lâm Thị Ú phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.129.950 đồng.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.564.975 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000301 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể

từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Văn Đua**

